TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2021
V/v L hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm: 1977; HKTT: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1981; HKTT: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2021, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông T trình bày: Ông T và bà T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D. Hai vợ chồng sống chung thường xuyên gây gổ, xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống L thân hơn 10 năm nay. Vì vậy, ông T yêu cầu được L hôn với bà T1.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 03/9/2002, khi ly hôn ông T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn

Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 14/5/2007, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 03/9/2002 đã trưởng T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2021, bị đơn bà T1 trình bày: Bà T1 và ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Dầu Tiếng. Hai vợ chồng sống chung thường xuyên gây gổ, xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Vì vậy, nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà T1 thì bà T1 yêu cầu ông T phải trả hết nợ cho bà T1 và giao tài sản cho các con chung thì bà T1 mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 03/9/2002, khi L hôn bà T1 yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 14/5/2007, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 03/9/2002 đã trưởng T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông T và bà T1 đã sống ly thân với nhau hơn 10 năm, xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, việc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, cháu Quỳnh N có nguyện vọng được ở với ông T nên giao con chung cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án L hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] nguyên đơn ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn cố tình vắng mặt không

có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 sống chung với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, hiện ông T và bà T1 đã sống ly thân với nhau hơn 10 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, bị đơn bà T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc Nng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, bị đơn không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của người kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu L hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Chí T với bị đơn bà Nguyễn Thị T1 theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông T và bà T1 có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 03/9/2002. Ông T và bà T1 đều có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh N, đối với Nguyễn Thị Cẩm L đã trưởng T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hiện cháu N đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với ông T nên việc giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; đối với cháu Cẩm L hiện đã trưởng T nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí T đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh T1 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Chí T được L hôn với bà Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Chí T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 14/5/2007, ghi nhận sự tự nguyện của ông nguyễn Chí T không yêu cầu bà Nguyễn Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thanh T1 đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Chí T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.00 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0045908 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuấn